

LỄ ĐẠO và TIẾN HÓA - Phần I - Chương 2 : **

Cây Sự Sống – Trái Tri Thức Sống - Biết - Đau khổ \ Tiến Hóa

A- Cây Sự Sống, ẩn dụ đầu tiên nơi Kinh Thánh nói về Sự Sống .

Sách Sáng Thế (Genèse) của Môi-Se viết : *"Giê-hô-va Đức Chúa Trời khiến đất mọc lên các thứ cây đẹp mắt, và trái thì ăn ngon ; giữa vườn lại có cây sự sống cùng cây biết điều thiện và điều ác"* (STK :2-9). *"Giê-hô-va Đức Chúa Trời đem người ở vào cảnh vườn E-den để trồng và giữ vườn . Rồi, Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán dạy rằng : Người được tự do ăn hoa quả các thứ cây trong vườn ; nhưng về cây biết điều thiện và điều ác, thì chớ hề ăn đến ; vì một mai người ăn, chắc sẽ chết"*(STK : 2-15,16,17. - Thánh Kinh Hội Mỹ Quốc, Nữ Ước - 'Ainsi Jéhovah Dieu fit pousser du sol tout arbre désirable à la vue et bon pour la nourriture, et aussi l'arbre de vie au milieu du jardin, et l'arbre de la connaissance du bon et du mauvais' - 'Alors, Jéhovah Dieu prit l'homme et l'installa dans le jardin d'Eden pour le cultiver et pour en prendre soin. Et Jéhovah Dieu imposa aussi à l'homme cet ordre : De tout arbre du jardin, tu pourras manger à satiété. Mais pour ce qui de l'arbre de la connaissance du bon et du mauvais, tu ne devras pas en manger, car le jour où tu en mangeras, tu mourras à coup sur -Les Saintes Ecritures, Traduction du monde nouveau : 2 : 9, 15,16,17 - sđd).

Sau khi Adam và Eva nghe lời dụ dỗ của Rắn đã hái ăn trái cấm, Đức Chúa Trời đuổi cả hai khỏi vườn Địa Đàng, Sách Sáng Thế viết *"Giê-hô-va Đức Chúa Trời phán rằng : Này, về sự phân biệt điều thiện và điều ác, loài người đã thành một bực như chúng ta ; vậy bây giờ, ta hãy coi chừng, e loài người giơ tay lên cũng hái trái cây sự sống mà*

ăn và được sống đời đời chẳng. Giê-hô-va Đức Chúa Trời bèn đuổi loài người ra khỏi vườn E-den đặng cày cấy đất là nơi có người ra. Vậy, Ngài đuổi loài người ra khỏi vườn, rồi đặt tại phía đông vườn E-den các thần chê-ru-bin với gươm lưỡi chói lòe, để giữ con đường đi đến cây sự sống” (STK: 3-22,23,24 –(Ensuite Jéhovah Dieu dit : Voici que l'homme est devenu comme l'un de nous en connaissant le bon et le mauvais, et maintenant, afin qu'il n'avance pas sa main et ne prenne aussi [du fruit] de l'arbre de vie, et ne mange, et ne vive pour des temps indéfinis.....Sur quoi Jéhovah Dieu le fit sortir du jardin d'Eden pour cultiver le sol d'où il avait été pris. Et ainsi il chassa l'homme et posta à l'orient du jardin d'Eden les chérubins et la lame flamboyante qui tournait sans arrêt pour garder le chemin de l'arbre de vie' – 3 :22,23,24, Les Saintes Ecritures, sđd)..

Qua hai đoạn trên, nơi vườn Eden, Thượng Đế trồng hai loại cây : Cây Sự Sống và Cây biết điều thiện điều ác, chẳng ? Cả hai cây đều được trồng ở giữa vườn. Sau khi đuổi loài người ra khỏi vườn, Thượng Đế đặt các thần Chérubins ở phía đông vườn để giữ con đường đi đến Cây Sự Sống, không cho con người đến hái trái Cây đó.

Hai đoạn trên nêu ra năm thắc mắc :

1) Thực sự có *hai Cây* hay chỉ *một Cây* nhưng mang hai tên khác nhau : Cây Sự Sống (arbre de vie) và Cây Biết điều thiện, điều ác được gọi là Cây Tri Thức (arbre de connaissance). Cần để ý đoạn 'cũng hái trái Cây Sự Sống' (qu'il n'avance pas sa main et ne prenne aussi [du fruit] de l'arbre de vie), không rõ Kinh Thánh viết bằng tiếng Do Thái, tiếng Araméen hay Hy Lạp như thế nào, nếu căn cứ vào đoạn dịch tiếng Việt và tiếng Pháp trên thì có thể có cả hai loại cây khác nhau: Cây Sự Sống và Cây Tri Thức. Từ 'cũng' nơi đây có ý bảo 'loài người sẽ hái ăn trái của Cây Sự Sống như đã hái ăn trái Cây Tri Thức' vậy. Như thế, loài người đã ăn cả 'trái' của Cây Tri Thức và cả 'trái' của Cây Sự Sống. Nhưng, theo Sáng Thế Ký, loài người (qua Eva và Adam) mới chỉ nghe lời con rắn hái ăn 'trái tri thức' trên Cây Sự Sống chứ không ăn trái của Cây Sự Sống.

Nếu quả có hai thứ cây hoàn toàn không liên hệ với nhau. và sự 'Sống đời đời' cùng 'Sự Sống bị giới hạn bởi cái Chết' do cái Biết phân biệt Thiện, Ác không có chút tương quan nào. Vậy lúc, đuổi Adam, Eva ra khỏi vườn, Thượng Đế chỉ cho thần Chérubins canh Cây Sự Sống, còn Cây biết điều Thiện, điều Ác có còn chẳng hay bị Thượng Đế hủy đi? Điều này, sách 'Sáng Thế' không nói. Và nếu quả có hai Cây khác nhau thì vấn đề 'Tiến hóa' nơi Kinh Thánh như chúng tôi nghĩ trong Chương này, không có cơ sở để nêu ra.

2) Loài người chỉ mới ăn được trái của Cây Tri Thức nên biết phân biệt điều Thiện, điều Ác và 'loài người đã thành một bậc như chúng ta' (xem đoạn trích trên - Bản tiếng Pháp viết : *'Voici l'homme est devenu comme l'un de nous, pour la connaissance du bien et du mal* - La Bible, traduit des textes originaux hébreu et grec par Louis Segond, Nouvelle édition de Genève 1979). Điều này, phải chăng ám chỉ tri thức con người càng ngày càng tiến triển đến mức có thể ngang tầm 'một bậc như chúng ta' về phân biệt điều Thiện và điều Ác.

Câu này phải chẳng phù hợp với quan điểm một số nhà khoa học như nhà khoa học Michio Kaku, khi nói đến những thành tựu lớn lao của Khoa học trong thế kỷ qua và trong thế kỷ tới, đã viết : *'Chúng ta cuối cùng đã đạt được khả năng khả dĩ thần thánh để vận dụng cuộc sống hầu như tùy thích'* (1). Và qua các bản Phúc Âm, Chúa Jésus đã tiên đoán (hay 'tiên tri') những thành quả lớn lao của tri thức loài người về mặt khoa học, khi bảo : *'Kẻ mù được thấy, kẻ què được đi, kẻ phung được sạch, kẻ điếc được nghe, kẻ chết được sống lại, kẻ khó khăn được nghe giảng Tin Lành'* (Ma : 11 : 5).

Tuy biết phân biệt điều thiện, điều ác 'ngang một bậc như chúng ta' nhưng loài người chưa ăn được trái của Cây Sự Sống nên không thể sống đời đời như Thượng Đế. Do đó, Thượng Đế mới đặt thần Chérubins canh gác con đường, không cho loài người đến với Cây Sự Sống hái trái Cây Sự Sống mà ăn..

Trước nay, các trước tác về Ki-Tô giáo chỉ nói có một Cây thối, thường gọi là Cây Tri Thức hoặc cho rằng 'Cây Sự Sống' và 'Cây Tri Thức' chỉ là một. Người viết chúng tôi nghĩ *chỉ có một Cây duy nhất, đấy là Cây Sự Sống (arbre de vie) và Trái của Cây Sự Sống được gọi là Trái Tri Thức (fruit de connaissance)*, còn gọi là Trái Cấm.. Trái Tri Thức chỉ là một phần của Sự Sống chứ chưa là toàn bộ Sự Sống nơi Cây Sự Sống. Thiết nghĩ, hiểu như vậy có thể phần nào đúng dụng ý của Moise trong Sáng Thế ký và phù hợp với các quan điểm trước nay, xem đấy là ẩn dụ đầu tiên trong Kinh Thánh. Hiểu như thế, chúng tôi nhận ra mối tương quan giữa 'Sống' và 'Biết' để từ đó nói đến Tiến hóa.

3) Cây được trồng tại giữa vườn Eden, có nghĩa là tại Trung tâm Vườn. Theo các huyền thoại về Cây (xem dưới), có thể xem Cây đó là được trồng nơi trung tâm vũ trụ, tượng trưng cho Trục Vũ Trụ.. Vì Sự Sống là vấn đề tiên thiên nhất, trung tâm nhất, căn bản nhất, ưu tiên nhất, cần thiết nhất cho tất cả mọi thứ trong vũ trụ hiện tượng này (xem chương: 'Sống, Sự Sống : vấn đề của mọi vấn đề')

4) Thượng Đế cắt thân Chérubins đứng gác ở phía đông khu vườn chứ không ở phía Tây, phía Nam hay phía Bắc của khu vườn, không rõ dụng ý như thế nào. Người viết liên hệ với sự việc '*khi Chúa Jésus sinh ra, có ba nhà thông thái thấy một ngôi sao hiện ra ở phương Đông, hướng dẫn họ đến nơi Chúa sinh*' (Ma : 2-2) để giải thích điểm này.(xem phần sau : Ngôi Sao phương Đông, Nữ Hoàng Nam)

5) Ăn được trái tri thức, loài người biết phân biệt điều thiện, điều ác, trở thành '*một bực như chúng ta*'. Cần chú ý nhóm từ '*một bực như chúng ta*' (comme l'un de nous). Từ '*chúng ta*' ám chỉ gì ? Dĩ nhiên, không phải là Thượng Đế vì Thượng Đế chỉ Một, một '*Thượng Đế Một*' (Dieu Un). Môi-Se đã 'lầm lẫn' viết như trên chẳng? Điều này, Thần học Ki-Tô giáo không đề cập. Qua đoạn văn, Thượng Đế đang tự nói với mình ở ngôi thứ nhất số ít, sao lại bỗng dưng chuyển sang ngôi

thứ nhất số nhiều (chúng ta) ? Đoạn tiếng Việt *'loài người đã thành một bực như chúng ta'* so ra không đúng với đoạn tiếng Pháp *'l'homme est devenu comme l'un de nous'*. Đoạn tiếng Pháp này, theo người viết, nên dịch sang tiếng Việt là *'con người (hay loài người) trở thành như một trong chúng ta'*. Từ *'một bực'* có thể hiểu là *'ngang tầm, ngang trình độ với'*. Còn *'như một trong chúng ta'* thì có nghĩa *'giống với một 'kẻ' trong chúng ta'*. Cái rắc rối ở nơi chữ *'chúng ta'*. Người viết chưa hiểu ra sao. Trong tác phẩm *'Avant le Big-Bang,...'*, Ricard Sunder có giải thích nhưng liên hệ đến *'vũ trụ siêu hình'* (cosmos métaphysique) và *'vũ trụ vật lý'* (cosmos physique), và nhóm từ *'một bực như chúng ta'* được ông hiểu như là *'một Thượng Đế bị phân chia thành ma quỷ'* (comme un Dieu divisé en diables,) và *'vũ trụ là sản phẩm của một biện chứng của Thượng Đế và của Ma quỷ, nghĩa là của biểu tượng và những biểu tượng ma quỷ hay, như người ta muốn nói là biện chứng của sự đơn nhất và sự phân chia'* (2)

Một điều, người viết thấy cần nêu ra : « Tại sao Thượng Đế không tạo nên Eva -người đàn bà- theo như đã tạo ra Adam, nghĩa là cũng dùng *'đất thấm hơi nước, tạo ra giống hình Ngài rồi hà vào mũi'* mà lại bằng chính xương sườn của Adam ? ». Cũng thế, tại sao Thượng Đế không trực tiếp tạo ra một Jésus bằng một lời *'phán'* mà phải mượn qua thân xác Mẹ Maria để sinh ra Jésus ? (3)

Điều này, mọi luận giảng về Kinh Thánh trước nay chưa nêu ra. Theo người viết, sự việc tạo ra người đàn bà bằng chính xương sườn của Adam -người đàn ông- có nghĩa *'người đàn bà được tạo ra bởi chính 'thịt' (la chair) của Adam, do đó mà người đàn bà luôn luôn tùy thuộc vào người đàn ông (có thể dựa vào Sách Tin Lành St Jean : 'Ngôi Lời trở nên xác thịt' : le Verbe se fait chair). Mà 'xác thịt thì yếu đuối' (Mac : 14-38). Vì xác thịt yếu đuối nên dễ bị cám dỗ, dễ bị lôi kéo bởi ham muốn, bởi tham ái. Do đó, Satan, qua con rắn đã cám dỗ Eva trước chứ không cám dỗ Adam. Do đó, đoạn *'một bực như chúng ta, như một trong chúng ta'* nên hiểu theo lối ẩn dụ. Eva -người đàn bà- được cấu tạo bằng xác thịt, tức phần vật chất, do từ cơ thể người đàn ông nên mang lấy sự sống nơi thế gian tức sự sinh*

sản để tiếp nối dòng giống mãi mãi. Do đó, người đàn bà –hay yếu tố Âm- được gọi là ‘mẹ của cả loài người’ (Après cela, Adam appela sa femme du nom d’Ève, parce qu’elle devait devenir la mère de tout vivant – Genèse 3 : 20, Les Saintes Écritures). Sự việc Thượng Đế dựng Cây Sự Sống và bảo ‘*Adam đừng ăn trái Cây biết điều Thiên điều Ác*’ là một thử thách lòng dục nơi con người. Adam đã không ăn trái cây đó, chỉ sau này Eva bị cám dỗ mới hái ăn rồi ‘cám dỗ’ Adam ăn theo. Satan qua con rắn là hình ảnh ẩn dụ cho thấy lòng dục khởi lên từ xác thịt tức cái sống của thân xác. Nếu Thượng Đế không tạo ra người đàn bà, có lẽ Adam đã ‘sống đời đời nơi vườn Địa đàng’. Cuộc sống nơi thế gian khởi đi trước tiên từ thân xác mà thân xác luôn đòi hỏi phải thỏa mãn những yếu cầu của nó nên tạo ra bao thứ đau khổ và cuối cùng phải ‘chết’ nghĩa là không thể tồn tại đời đời. Chính vì điều này mà Kinh Thánh cùng giáo lý Jésus và Đức Phật luôn bảo ta phải tiêu trừ lòng dục tức lòng tham ái thì mới đạt được cuộc sống đời đời tức cảnh sống vô vi, cảnh sống nơi ‘bờ bên kia’ theo Phật giáo.

Một điều cần để ý là ‘*khi tạo nên Sự Sống*’ và mọi thứ hiện hữu, Thượng Đế đã ‘*tự hiện tượng hóa*’ chính mình, có nghĩa tự rời bỏ trạng thái Tự hữu để chuyển mình sang trạng thái Hiện hữu, từ đó tạo nên vũ trụ hiện tượng ; mà trong cõi hiện tượng thì không một thứ gì được sinh khởi từ hư không mà phải tuân theo những qui luật của cõi hiện tượng có nghĩa do tương tác của vạn hữu (mọi ‘pháp’ nói theo nhà Phật) mà hiện tượng này làm phát sinh hiện tượng kia theo qui luật ‘*nhân-quả*’ của Khoa học hay qui luật ‘*nhân duyên sanh*’ theo Phật giáo. Do đó, hiện tượng Eva do hiện tượng Adam , hiện tượng Jésus do từ hiện tượng mẹ Maria cũng như hiện tượng Tất Đạt Đa (đức Thích Ca sau này) do hiện tượng hoàng hậu Maya mà sinh ra. Diễn tiến này, người viết gọi là cái **Tất định qui luật** ‘ (déterminisme-lois) nơi cõi hiện tượng. Tuy nhiên, Thượng Đế khi ‘*tự hiện tượng hóa*’ chính mình để tạo nên cõi hiện tượng không phải hoàn toàn tan biến mình vào hiện tượng mà chỉ một phần nào đó của tính thể Ngài thôi và Thượng Đế vẫn tồn tại trong trạng thái ‘phi hiện tượng’ và chuyển dịch về tương lai đón đợi mọi thứ thụ tạo từ

Ngài trở về với Ngài (xem chương 'Thượng Đế-Sáng tạo'). Phần tính thể đó nơi mỗi vật thể, hiện thể là phần cư lưu của Thượng Đế nơi mỗi vật thể, hiện thể đó, được gọi là **Thánh Linh** (hay cái Tánh Không, cái Tâm không theo Phật giáo). Đây là phần **'hồn'** tức phần sống Tâm linh (vie spirituelle) nơi mỗi thứ luôn tác động vào hai phần sống thể chất (vie corporelle) và tri thức (vie intellectuelle) để đưa mọi thứ trở về với Thượng Đế. Sự tác động của tâm linh (thánh linh hay cái tâm) vào hai cái sống thể chất và tri thức rất ẩn mật, không thể hình dung ra sao, không thể nhận thức bởi lý trí luận lý (raison raisonnante), nhằm hướng dẫn hai cái sống kia từng lúc thuận chiều theo Sử lịch tức chương trình của Thượng Đế để trở về với Ngài. Do đó, Sự Sống, cuộc sống của vạn hữu luôn luôn thay đổi qua từng dạng hiện hữu khác nhau, từng cảnh ngộ khác nhau, từ đó có biến hóa, tiến hóa, cuối cùng trở về hội nhập với Thượng Đế (Đạo Thể). Điều này, M.Heidegger đã nói : *'Đạo thể mà lịch sử không bao giờ hoàn tất mà luôn trong tình trạng đợi chờ. Lịch sử của Đạo thể (tức hành trình 'hiện tượng hóa' của Thượng Đế nơi thế gian) chịu đựng và định ra mọi điều kiện, mọi trạng huống của nhân sinh'* (4) Người viết chúng tôi hiểu ý đoạn *'một bức như chúng ta, một như chúng ta'* theo lối ẩn dụ đó và cơ sở nơi quan điểm Tiến Hóa, chúng tôi có thể giải thích điều này trong những chương sau.

Một điều khác cũng nên để ý là *'Thượng Đế tạo nên Adam là tạo nên Sự Sống của chủng loại người'* sau khi đã tạo nên Sự Sống của các loài sinh vật khác. Và vì loài người được Thượng Đế hà hơi vào lỗ mũi, trở nên một loài sanh linh nên Sự Sống của loài người được xem là để thể hiện Sự Sống của Thượng Đế nơi thế gian.

Thượng Đế đã mượn loài người để thể hiện Sự Sống của Ngài nơi vòng hiện tượng. Thực ra, theo người viết, Sự Sống vốn có nơi tất cả mọi thứ hiện hữu và sự Tiến Hóa không chỉ nơi loài người mà chung cho cả vạn hữu, ngay cả nơi những vật ta gọi là vô tri như đất đá vì diễn trình Sinh Hóa và Tiến Hóa của mọi thứ đều tuân theo chương trình của Thượng Đế hay Đạo Thể lúc sinh thành mọi thứ. Nhưng vì

loài người là sinh vật hoàn hảo nhất, sáng tạo sau cùng của Thượng Đế nên Sự Sống và diễn trình Tiến Hóa của loài người dễ dàng được nhận biết. Lúc loài người, qua diễn trình Tiến Hóa đạt được trạng thái Thăng Hóa thì một loại động vật cao cấp nhất nào đó lại tiến lên dạng Tồn Tại Người và cứ thế tiếp tục cho mọi thứ chủng loại khác. Mà mỗi giới loại lại có biết bao chủng loại (chẳng hạn giới loại động vật gồm chủng loại bò sát, gặm nhấm, loài có vú,...) nên diễn trình Tiến Hóa không bao giờ chấm dứt.

B.- Qua những trích dẫn trên trong sách ‘Sáng Thế Ký’, ta nêu câu hỏi : Tại sao dùng hình ảnh CÂY và TRÁI CÂY để tượng trưng cho SỰ SỐNG và cho TRI THỨC ?

‘CÂY SỰ SỐNG’ là Cây mang chở Sự Sống, hàm chứa Sự Sống, cây tượng trưng cho Sự Sống. Cây là một cấu trúc hình thể (tấm hình hài thân xác). Không có cấu trúc hình thể thì không có Sự Sống, dù cấu trúc vật thể đó vô cùng bé nhỏ như một vi khuẩn, một vi trần (từ Phật giáo) hay khổng lồ như một tinh tú, một dãy thiên hà. Với các dạng tồn tại không cấu trúc hình thể (ánh sáng, lửa, nước, không khí,...) sự sống thể hiện qua các đặc điểm riêng biệt của chúng tác động với nhau và vào mọi hiện thể khác. Chúng ta –con người– sống là qua tấm thân xác của chúng ta. Nếu không có thân xác, chúng ta không sống, không hiện hữu nữa. Triết gia Merleau Ponty đã bảo : *‘Tôi là tấm thân của tôi’* (je suis mon corps). Vì thế, sát hại tấm thân xác là làm mất biến sự sống nơi ta, là tiêu diệt sự hiện hữu của ta. Thế Thượng Đế có ‘sống’ chăng ? Ta không thể hình dung sự sống của Thượng Đế như thế nào. Thượng Đế không mang một cấu trúc hình thể nào cũng như không mang chở những đặc điểm riêng biệt nào nên Sự Sống của Thượng Đế không thể hình dung như sự sống của mọi vật thể trong cõi hiện tượng. Trạng thái hiện hữu của Thượng Đế là trạng thái ‘Không’, một hiện hữu ‘Không trong Không’, do đó Thượng Đế bảo với Môi-Se nơi đồi Si-nai rằng *‘Ta là Tự hữu, Hằng hữu’*. (xem thêm nơi chương ‘Sáng Tạo’).

CÂY, như ta biết, có gốc, có ngọn, có sinh sôi nảy nở và TRÁI CÂY là kết quả của một quá trình sinh trưởng để tiếp nối liên tục. Hình ảnh CÂY và TRÁI CÂY tượng trưng cho SỰ SỐNG có khởi nguyên, có tận cùng nhưng lại được tiếp nối mãi mãi nên sự sống không biết lúc nào chấm dứt. Đây là sự sống của chủng loại, sự sống vô tận qua sự tiếp nối của từng thế hệ hiện thể trong chủng loại đó thuộc từng dạng tồn tại. Cuộc sống hữu hạn của từng hiện thể (trung bình 100 năm, nói về con người) là từng '*Thực tại phù du hoàn tất*' trong lúc cuộc sống của chủng loại, của từng dạng tồn tại là một '*Thực tại miên viễn dở dang*' (réalité toujours inachevée) vì luôn luôn được tiếp nối, nếu không vì một lý do nào đó do bên ngoài hay do tự mình phải bị tiêu diệt. Loài Khủng Long bị tiêu diệt cách đây 65.000 năm vì tai nạn thiên nhiên, cùng tai nạn có thể đưa đến tình trạng một số chim trời, cá tôm, thú vật sẽ bị 'diệt chủng' hiện nay là nỗi lo ngại của một số nhà vạn vật và sinh thái học

Sự '*tiếp nối*' (continuité, một trong những yếu tính của hiện hữu và tồn tại) chính là sự tiếp tục của cá thể được chuyển vào cho chủng loại. Vì thế, *cái hữu hạn của cá thể mang chứa nơi mình cái vô hạn của chủng loại*. Cái RIÊNG nằm trong cái CHUNG, cái CÁ THỂ nằm trong cái TỔNG THỂ. Chỉ là Cá thể khi nào cái cá thể đó biểu hiện một tổng thể được chứa đựng nơi nó ; và tổng thể chỉ là tổng thể khi nào được biểu hiện nơi từng cá thể, qua cá thể mà thị hiện. Nếu không như thế thì cá thể chỉ là 'từng cái một' riêng lẻ và tổng thể sẽ chỉ là tổng số được dùng về mặt tính toán thôi. Hiểu như thế, chủng loại người (nhân loại) không là tổng số người trên địa cầu. *Chủng loại người hay nhân loại là cái trạng thái người chung nhất nơi mọi con người cá thể. Cá thể hiện hữu trong chủng loại và là hình ảnh của chủng loại đối chiếu với các chủng loại khác . Sự Sống của chủng loại không là hành trình quy tử mà luôn luôn được tiếp nối qua cái chết của từng thế hệ hiện thể (cá nhân, tập đoàn) trong chủng loại. Lịch sử chủng loại được cấu tạo qua từng cái sống và cái chết của từng thế hệ hiện thể trong chủng loại đó. Mượn hình ảnh CÂY, Kinh Thánh muốn nói lên Sự Sống miên viễn, trường tồn*

của từng chủng loại trong vạn hữu -nơi đây giới hạn nơi phạm vi nhân sinh- qua từng quá trình sinh trưởng mà động cơ của quá trình sinh hóa đó là TRI THỨC tức cái BIẾT.

Ta nêu thêm câu hỏi : Hiểu như thế, Sự Sống chỉ có nơi những Vật Sống tức Sinh Vật, còn những dạng tồn tại khác được gọi là Vô Cơ thì không có sự Sống sao ? Khoa học chỉ mới chú ý đến những hiện tượng của sự Sống cùng diễn tiến của sự sống nơi từng chủng loại sinh vật chứ chưa nhìn ra rằng 'SỰ SỐNG' là yếu tính của mọi sự mọi vật và là động cơ của Tiến Hóa không riêng nơi chủng loại người mà chung cho cả vạn hữu và cái BIẾT không chỉ có nơi sinh vật mà cả cho các loài được gọi là Vô Cơ.

Đã hiện hữu là đã có Sự Sống và mặc nhiên đã hàm chứa cái Biết. Trên bình diện Đạo Học, những loài vô tình, vô tri như đất đá, mặt trời, mặt trăng, tinh tú hay đến cả chiếc bàn, chiếc ghế, ngôi nhà, con đường, máy móc do con người tạo ra cũng có Sự Sống của chúng (vì đã hiện hữu) và cùng đều hàm chứa cái Biết nhưng vì cái Biết nơi chúng còn trong trạng thái ẩn tàng (en puissance) do các loài đó còn thụ động đón nhận những tác động bên ngoài chứ chưa tự thân vận động do cái Biết chưa thể đi vào năng động (en activité). Một ngọn núi, một dòng sông, một dãy thiên hà, một con đường, một xí nghiệp kỹ nghệ, một chiếc bàn, chiếc ghế, một máy móc, cả một từ, một ngữ nào đó cũng đều trải qua một quá trình 'sống' tức hiện hữu từ lúc sinh ra đến lúc bị tan rã, tiêu hủy, nghĩa là 'chết' nhưng tất cả không ý thức được diễn tiến hiện hữu của chúng, không 'làm chủ' được dòng diễn tiến hiện hữu đó mà do tác động của bên ngoài khiến chúng biến đổi nay thế này, mai thế nọ cho đến lúc bị hủy diệt, không còn hiện hữu nữa. Thêm nữa, những vật vô tri đó không cùng dạng 'tồn tại người' như ta nên ta không nhận ra cái Sống và cái Biết nơi chúng. (xem thêm nơi các phần sau). **Cái Biết nơi Sinh vật, đặc biệt nơi con người (do tự thân đã mang sẵn nguồn năng lượng) , vừa vận động tự thân (không gian, thời gian bên trong mình) vừa tác động vào bên ngoài (không gian, thời gian bên ngoài) nên làm chuyển biến môi trường sinh sống bên ngoài và ngay nơi tự thân**

mình do đó dẫn về Tiến hóa cho từng chủng loại. Chỉ riêng Tôn giáo, (đặc biệt Phật giáo) đúng hơn là Đạo học, theo người viết, mới nói đến cái Sống và cái Biết của những dạng tồn tại vô cơ như đất đá, kim loại hoặc những dạng không có cấu trúc hình thể như nước, lửa, ánh sáng,... Nhưng tôn giáo chỉ nói tổng quát, công nhận có Sự Sống của các loại vô tình, vô tri chứ không thể nào tìm hiểu Sự Sống cùng thể hiện Sự Sống của những dạng tồn tại này ra sao. Điều này, tông phái Duy Thức nhà Phật đã nói 'Nhất thiết duy Tâm tạo, Vạn pháp duy Thức biến' đề cập đến lẽ 'Chân Như duyên khởi' và 'Nhân Duyên sinh' nhưng chưa nói rõ về Tiến hóa.

Đi xa hơn, CÂY « hình ảnh biểu tượng cho Sự Sống luôn luôn biến hóa, luôn hướng về trời cao, nói lên tính cách tượng trưng cho chiều thẳng đứng như cái Cây trong họa phẩm của Léonard de Vinci. Ngoài ra, Cây còn dùng tượng trưng cho tính chất chu kỳ của dòng Tiến hóa của vũ trụ: chết và sống lại; lá cây rơi ra ý niệm chu kỳ, chết và sống làm lá cây rơi rụng rồi lại lại được phủ trùm mỗi năm bởi những nguồn lá mới. CÂY là mối thông giao giữa ba cấp bậc của vũ trụ: phần dưới đất, bằng rễ cây đi sâu vào lòng đất; phần trên mặt trái đất bởi thân cây và những cành nhánh đầu tiên; phần trên cao bởi những cánh nhánh trên cao và bởi đỉnh cây được cuốn hút bởi ánh sáng trời cao... Cây tập hợp tất cả mọi thành phần: nước chảy bên trong với nhựa cây, đất tích lũy nơi thân cây bởi rễ cây, không khí nuôi sống lá cây, lửa phát sinh từ sự cọ xát của cây. Vì rễ cây đâm sâu vào đất và nhánh cây mọc cao vào bầu trời nên CÂY được tất cả xem như biểu tượng mọi liên hệ giữa đất và trời. Theo ý đó, Cây mang tính cách trung tâm của mọi vật đến nỗi « Cây của Vũ trụ » đồng nghĩa với « Trụ vũ trụ ». Bởi tính cách trục trung tâm đó, Cây cũng là con đường đi lên, từ đó những ai từ thế giới hữu hình tìm đến thế giới vô hình đều thông qua nó » (5). Chính do quan niệm này mà trong tín ngưỡng nhiều dân tộc, ta thấy hình ảnh cây Sồi (chêne) của dân tộc Celtes, cây Điền ma (tilleul) của người Đức, cây Tần bì (frêne) của người Bắc Âu, cây Ô-liu (olivier) của miền Trung Đông Hồi giáo, cây Phong (bouleau) và cây Lạc diệp tùng (mélèze)

vùng Tây Bá Lợi Á. Ở Trung Hoa, có cây Kien-Mou mọc giữa trung tâm vũ trụ. Với người Chiites dòng hồi giáo theo tập tục ismaélien (chủ trương Hư vô tuyệt đối) thì Cây được nuôi dưỡng bởi đất và nước và vượt khỏi tầng trời thứ bảy, tượng trưng cho Hakikat có nghĩa trạng thái chân phúc, nơi đó, kể mộ đạo thần bí vượt qua tính cách nhị nguyên của thế giới biểu kiến, tiếp xúc với Thực Tại tối hậu (Réalité suprême), với cái Nhất Thể nguyên sơ (l'Unité originelle) để đồng nhập với Thượng Đế. Ở Ấn Độ, cây Bồ Đề, nơi Phật Thích Ca đắc đạo tượng trưng cho Cây Vũ Trụ và Cây Sự Sống. Hình ảnh CÂY tượng trưng cho Vũ Trụ, cho Sự Sống còn được kể đến nơi nhiều dân tộc, nơi nhiều tín ngưỡng ngày trước. được nhiều nhà nghiên cứu, học giả nói đến như Mircea Eliade, H. de Lubac, Gilbert Durand, K. Jung và nhiều người nữa. Còn nhiều 'huyền thoại' về CÂY như *CÂY không mọc thẳng đứng mà 'mọc lộn ngược', rễ đâm vào bầu trời, ngọn cây đâm vào đất nói lên 'sự sáng tạo là hành trình từ Trời cao đến với thế gian' như trong Kinh Rig-Veda và Kinh Katha-Upanishad (6).*

Trong Sáng Thế Ký, cái Cây đó không mang riêng một tên nào cả như cây Táo, cây Lê, cây Sồi mà được gọi chung là CÂY SỰ SỐNG. Trái sinh ra từ Cây đó được gọi là TRÁI TRI THỨC tức TRÁI CỦA SỰ BIẾT. Trái Tri thức hay Trái Cấm này được gọi theo nhiều danh xưng khác nhau : người Hy Lạp cho đây là trái Vả (figue), người Ý cho là trái Cam (orange), nhiều người khác cho là trái Nho (raisin) hay trái Anh đào (cerise). Do từ tiếng La-tinh 'pomum' có nghĩa là 'trái' nên đọc trại ra là 'trái bôm' hay 'trái táo' (pomme) (7). Thực sự, Cây và Trái nơi đây chỉ là ẩn dụ, chỉ là hình ảnh tượng trưng thôi.

Tri thức gì ? Biết gì ? Sách Sáng Thế nói rõ : *BIẾT PHÂN BIỆT ĐIỀU THIÊN, ĐIỀU ÁC.* có nghĩa phân biệt được phải, trái, nên, hư, đúng, sai, tốt, xấu,...Hai từ 'Thiên' và 'Ác' nơi đây dùng để chỉ hai mặt đối lập (antagonismes bipolaires) của cùng một sự kiện, một hiện tượng, thường dùng qua hình ảnh ảnh vị thần Janus trong thần thoại

Hy Lạp, vị thần có hai khuôn mặt trái ngược nhau : một trẻ, một già, hoặc 'bề sáp', bề ngửa' của một đồng tiền.

Căn cứ vào đâu phân biệt được Thiện, Ác ? *Căn cứ vào Sự Sống. Thứ gì, điều gì phục vụ Sự Sống, phát triển Sự Sống đều là Thiện ; cái gì hủy diệt sự sống, làm bại hoại, tan rã sự sống thì là Ác.* Sự Sống chẳng là cái gì đáng quý nhất sao ? Có người nào không chăm sóc, lo toan, bảo vệ và phong phú cuộc sống của mình về mọi mặt ? Cuộc « *Tranh đấu mưu sinh* » (the struggle for life) trong Lý Thuyết Tiến Hóa của Darwin, chẳng đã chứng minh loài vật nào có đủ khả năng 'biết' thích ứng với những điều kiện sống mới thì tồn tại, tăng trưởng ; ngược lại là bị ngưng lại, thoái hóa hoặc bị tiêu diệt. Từ đó Darwin nêu ra sự « *Tuyển trạch tự nhiên* » (*la Sélection naturelle*) được xem là vấn đề căn bản của Tiến hóa.

CÂY SỰ SỐNG biểu tượng cho toàn thể cái Sống. Trái Tri Thức chỉ là một bộ phận sinh ra từ Cây Sự Sống, nói lên một điều kiện tất yếu của Sự Sống. Tri thức con người trước nay luôn hướng về Tuyệt đối, nghĩa là hướng đến cái Chung cùng, cái Vô hạn, và đã đi tìm từ cái Hữu hạn đến cái Vô hạn .Khoa học đã đi từ cái riêng lẻ đến cái tổng quát, chung cùng, và ngày nay đang khuynh hướng đi từ cái hữu hình, hữu hoại đến cái vô hình, vô hoại . Theo đó, *Cây Sự Sống tượng trưng cho cái Chung cùng, cái vô hạn, cái hằng hữu tổng quát bao trùm hết mọi thứ. Trái Cấm hay Trái Tri Thức là cái hữu hạn, cái riêng lẻ. Sự Sống thì vô cùng, bao trùm đủ mọi phương diện mà cái Biết (tri thức) chỉ là một phần của Sự Sống, một trong những điều kiện tất yếu của Sự Sống.*

Ông Bà Adam, Eva, trước khi ăn trái cấm, sống hồn nhiên, vô tư, sống rong chơi, không hề suy nghĩ, lo lắng gì. Sự Biết chưa đến với cả hai. Họ không ý thức phân biệt này nọ. . Nơi Vườn Địa Đàng, tất cả mọi của cải đều đầy đủ, con người không bận tâm phải đem năng lực mình ra để kiếm tìm vì cuộc sống rất đơn sơ, không nhiều nhu

cầu, không ý thức gì về 'Sống' hay 'không sống', nên cũng chẳng để ý gì đến sở thích, do đó không để ý gì đến vấn đề 'Thiện-Ác'. Sau khi ăn trái Cấm tức trái Tri Thức, sự Biết đến với họ : biết mình trần truồng, biết sợ Thượng Đế, biết đói, biết lạnh, biết nóng,...tóm lại là biết đau khổ . Thế rồi, buồn đau, khổ lụy của cuộc sống thế gian dồn dập đổ đến với hai người, với dòng dõi của Thủy tổ loài người khi Đức Chúa Trời đuổi cả hai ra khỏi Vườn Địa Đàng (vườn E-đen). Cuộc sống của họ cũng như của loài người không còn trường tại, an nhiên, thong dong như trước mà phải luôn luôn tranh đấu để có cái ăn cùng thỏa mãn bao nhiêu nhu cầu khác của cuộc sống và cuộc sống bị giới hạn bởi cái chết. Do đó mà có vấn đề 'tranh đấu mưu sinh', 'cạnh tranh sinh tồn' mà Ki-Tô giáo gọi là 'Tội Tổ Tông' (xem chương 'Sáng Tạo')

Nơi vườn Địa đàng, Adam, Eva chưa có cái Biết nên không phân biệt Thiện Ác và nơi đây cũng không có vấn đề Thiện Ác. Chỉ khi ăn Trái Cấm, con người mới phân biệt Thiện Ác và Vườn Địa đàng biến thành cõi Thế gian –cõi người ta- đầy đầy đau khổ do sự Biết phân biệt Thiện Ác đó. Nên nhớ : khi chưa ăn trái tri thức, Eva và Adam không biết mình trần truồng, không hổ thẹn gì về sự trần truồng đó. Lúc ăn xong trái trí thức, mới biết và hổ thẹn về sự lỏa lồ của mình '*bèn lấy lá cây vả đóng khố che thân*' (STK : 3 :7). (8). Đạo học Đông phương từng quan niệm 'nguyên sơ chẳng có Thiện và Ác' ; Thiện và Ác chỉ có nơi cõi Tục đế do cái 'Tâm sai biệt' của con người, do cái Biết của con người mà nảy sinh để cả hai 'Thiện và Ác' làm 'nền' cho nhau nơi cuộc sống mỗi người cũng như nơi cuộc đời chung của xã hội nhân loại. Cần để ý : 'Vườn Địa đàng' chỉ là ẩn dụ nói lên cảnh sống không có ý thức phân biệt, cảnh sống mà con người không nghĩ gì đến vấn đề sống chết, không lo nghĩ vấn đề phải tạo của cải để sống.

Thượng Đế cắt thần Chérubin để '*giữ con đường đi đến Cây Sự Sống*' (STK, trích trên) có nghĩa không cho con người đạt được ngay Sự Sống đời đời mà phải qua quá trình biến hóa để Tiến hóa do cái Biết cho đến lúc cái Biết đó hoàn toàn viên dung, vô ngại mới đạt được

cái Sống toàn bích đời đời. Sự hưởng về Sự Sống đời đời tạo nên Đức Tin và là quyền Tự Do của con người có chịu hưởng về đây hay không. Nhưng trên dòng Tiến hóa đó, tự thân mỗi con người cá thể không thể đạt được cái Biết toàn bích vì diễn trình sống trong vòng hiện hữu của từng cá thể là 'diễn trình quy tử', là một 'thực tại phù du hoàn tất' (réalité éphémère achevée, trung bình 100 năm). **Sự Sống đời đời chỉ do Chúng loại đạt được qua quá trình Tiến Hóa và lúc bấy giờ mỗi cá thể cùng toàn thể chúng loại sẽ cùng hưởng được Sự Sống Đời Đời.** Đây là ý nghĩa và Cứu Cánh của Tiến Hóa. Điều này, Phật giáo đã nói đến qua cặp phạm trù '*Biệt nghiệp - Cộng nghiệp*' nhưng lâu nay chưa được khai triển về mặt Tiến Hóa.

Về mặt cá thể, người Việt Nam chúng ta, cũng như đôi dân tộc Đông phương quan niệm '*Sống gửi, thác về*' (Sinh ký, tử quy) để nói về Sống và Chết. '*Sống là gửi*' có nghĩa sự sống qua tám hình hài thân xác nơi thế gian chỉ là thời gian hiện hữu tạm bợ, ngắn ngủi; đầy đầy đau khổ, cõi thế gian chỉ là cõi tạm, cõi 'giả hữu', chỉ là một thứ quán trọ qua đường. '*Chết là về*', có nghĩa về với nguồn cội, về với cảnh sống yên bình thường tại, cảnh sống đời đời, về với Tự tánh, Tự thể, Tính thể, với cái 'bản lai đồng' của vạn hữu thưở nguyên khai, nói theo Kinh Thánh là 'trở về với nước Đức Chúa Trời'.

Tại sao thế? Chúng ta biết tám hình hài thân xác tức cấu trúc vật thể của sinh vật không thể tồn tại lâu dài, bất biến vì tác động của không gian, thời gian nơi vòng hiện tượng sẽ làm biến đổi, hao mòn, hủy hoại, tan rã. Khi chết đi, tất cả những thành phần cấu tạo nên thể xác con người lại trở về trạng thái sơ nguyên của chúng, nói theo khoa học là trở về với trạng thái những 'vi tử sơ khai' (particules élémentaires) để rồi chúng sẽ kết hợp với bao nhiêu vi tử khác, tạo nên cấu trúc hình hài khác như thưở đầu sinh thành vũ trụ hiện tượng. Theo Phật giáo, tám thân thể con người do kết hợp của Tứ Đại (đất, nước, gió, Lửa), khi ta chết thì bốn thứ đó lại trở về với trạng thái nguyên sơ của chúng để rồi lại kết hợp với nhau trong trường hợp nào đó để tạo nên một dạng tồn tại nào khác. Nhưng phần Tâm linh tức cái Tâm, cái Thánh linh hay linh hồn nơi mỗi

người vì không là kết hợp của các vi tử vật chất nên lại 'trở về' hoà nhập với trạng thái sơ nguyên ban đầu tức trạng thái Chân Không, trạng thái của Thượng Đế, trạng thái của Đạo Thể nguyên sơ, 'sống đời đời' trong trạng thái sơ nguyên đó. Do đó, một số người cho rằng 'chết là giải thoát', là đi vào một thế giới khác thường hằng an lạc, bình yên. Trang Tử đã *'gỗ bồng mà cưa'* chứ không khóc vợ hay ai đó đã chết. Cao Bá Quát, sau chuỗi dài sống với thế gian, nhìn bao đồ vỡ tan thương của cuộc sống minh, rốt cuộc nhận ra *"Tám thân ngoại vật là tiên trên đời"* (tám thân ngoại vật là tám thân không do kết cấu vật chất, không chú trọng vào cuộc sống vật chất). Và đám ma, đám tang thường tổ chức rền rang, ca hát như vui mừng được tiễn người quá cố về nơi vĩnh hằng, về cõi sống đời đời an lạc.

Trong các lời 'chia buồn' với thân nhân có người khuất núi, ta thường viết: *"Cầu chúc hương hồn ông, bà,... được phiêu diêu nơi miền cực lạc"* hay *"được an bình nơi nước Chúa, nơi cõi vĩnh hằng"*. Ta cầu chúc 'hương hồn' tức phần Tâm linh chứ không cầu chúc phần thể xác của người chết. *'Phiêu diêu nơi miền cực lạc'* có nghĩa là 'tiêu dao, phiêu bồng, phiêu hốt, vô sở trụ' nơi trạng thái sống hoàn toàn hạnh phúc, không còn phải hệ lụy bởi tám thân vật chất nơi thế gian. Cầu chúc hương hồn người chết được 'về nơi nước Chúa' cũng cùng ý nghĩa đó, tức là được 'sống đời đời', không còn bị chi phối bởi 'luân hồi nghiệp báo', không còn bị trong vòng 'nhân duyên sinh', không còn bị ràng buộc bởi qui luật 'nhân quả' như thời còn tại thế. *Cuộc sống nơi cõi hiện tượng quay tròn trong 'bánh xe pháp luân' sẽ đến một lúc tách rời vòng tròn bánh xe, như một mũi tên phóng vào vô cùng, phần nào, theo người viết, giống như một vệ tinh bắn lên quay tròn theo quỹ đạo một hành tinh rồi tách ra khỏi vòng tròn (hay vòng tuần) của quỹ đạo hành tinh đó bay thẳng vào không gian vô tận* (9). Nhưng con người, mỗi người, khi chết đi, có thực sự được 'phiêu diêu nơi miền cực lạc' đó, có nghĩa thực sự thoát được vòng 'luân hồi nghiệp báo' hay không lại do từ cuộc sống nơi trần thế này có biết giải trừ cái 'Biết phân biệt' hay không để khỏi phải đầu thai vào một dạng hiện hữu thấp hay cao hơn trong ba cõi, theo Phật giáo.

Qua hình ảnh ẩn dụ trên, ta thấy đau khổ của cuộc sống phát sinh từ sự Biết. Trái Cấm, trái của sự Biết nằm trên Cây Sự Sống. Nhưng cái BIẾT một khi còn nằm trên CÂY SỰ SỐNG thì là cái BIẾT hoàn mỹ, cái BIẾT trọn vẹn, cái BIẾT toàn Thiện, cái BIẾT không có Vô minh nào che cản. Đây là cái Trí Huệ Bát Nhã (nói theo từ nhà Phật), cái Biết của người lớn hơn Salomon. Còn cái Biết một khi tách rời Cây Sự Sống thì là cái Biết phiến diện, cái Biết phân biệt, cái Biết không toàn bích, cái Biết bị lệ thuộc vào cấu trúc xác thân với tất cả những nhu cầu của nó do cái Tính Thể hay Tụ Thể bị chi phối bởi cái Tụ Ngã hay cái Phàm ngã sắc tướng, nói theo nhà Phật. Như vậy, Cây Sự Sống tiêu biểu cho Sự Sống đích thực và Vườn Địa Đàng là cõi Sống (hay Trạng thái Sống) đích thực, hằng hữu. Sự Sống của con người và Chủng loại, một khi không có cái Biết toàn hảo, cái Biết vô phân biệt thì chỉ là cái Sống giả tạm, phù du, biến đổi vô thường và cõi sống là thế gian, trần gian đầy đầy bất trắc. Vườn Địa Đàng, môi trường 'không trở trường' của cái 'Biết không phân biệt' trở thành cõi thế gian tức môi trường 'có trở trường' với cái 'Biết phân biệt'. Giáo lý của đức Thích Ca, qua Kinh điển, nhằm hướng dẫn ta đến cái 'Biết' viên dung, toàn bích đó, cái 'Biết' được gọi là cái 'Trí huệ Bát nhã', cái Biết 'Viên giác' tròn đầy.

'Cây Sự Sống' tượng trưng Sự Sống. Nhưng không thể ý thức về Sự Sống vì Sự Sống là cái gì như nhiên, đương nhiên. Bình thường, chúng ta có để ý tìm hiểu thế nào là Sống đâu? Hoặc có tìm hiểu thì cũng lại mô tả Sự Sống qua những hiện tượng của Nó: "tôi đang sống" nghĩa là tôi đang thở, đang ăn,...'; chỉ khi nào những hiện tượng đó chấm dứt thì là 'không sống nữa' nghĩa là 'chết'.

C.- Sống và Biết. Theo Kinh Thánh (sách Sáng Thế), Trái Cấm tức Trái của sự Biết nằm trên Cây Sự Sống nên Sống là mặc nhiên Biết hay 'Sống và Biết' là hai sự việc không tách rời nhau. Nhưng, như đã nói, cái Biết nơi Cây Sự Sống là cái Biết toàn hảo, còn cái Biết nơi Trái Tri Thức chỉ là một phần của cái Biết nơi Cây Sự Sống, cái Biết chưa đầy đủ, chưa trọn vẹn. *Biết tạo nên đau khổ một khi tách rời*

Cây Sự Sống. Vì thế nên, theo người viết, Thượng Đế đã cấm con người (Adam và Eva) hái ăn trái nơi Cây Sự Sống vì chỉ ăn trái cây này thôi thì sự Biết không bao giờ tròn vẹn (trái cây chỉ là một phần của cây thôi). Nơi Vườn Địa Đàng, con người chưa có Sự Biết (cái Biết phân biệt) nên Sống trường tại, an nhiên, không biết đau khổ và cũng không gây khổ cho nhau, cũng không có sự Chết. Chỉ khi con người bị Thượng Đế đuổi ra khỏi Vườn Địa Đàng, phải sống trong Cõi Thế gian để lo cho cuộc sống mình, thì cái Biết phân biệt mới tạo khổ cho con người và sau một thời gian phải Chết.

Cuộc sống ở trần gian đòi hỏi phải Biết vì trong môi trường có trở trường (tức Vũ trụ Hiện tượng gồm cả môi trường thiên nhiên và môi trường đồng loại tức môi trường xã hội) thì con người mới cần đến Sự Biết. Chính cái Biết này tạo nên đau khổ. Giả thiết ta sống mà không biết, sống hoàn toàn vô tri, chắc hẳn ta không hề đau khổ hoặc không đau khổ bao nhiêu. Người tiền sử cũng như một số bộ tộc cổ sơ còn sót đến ngày nay đau khổ vì môi trường thiên nhiên chứ không mấy đau khổ vì môi trường xã hội. Họ chưa biết gì đến chuyện ăn ngon, mặc đẹp, ở sang, chưa biết cạnh tranh hơn thua giữa nhau,.... như con người 'văn minh' nên đau khổ của cuộc sống họ rất giới hạn. Nhưng rồi, tiến trình nhân hóa cùng sự sống bắt buộc phải kết tập thành xã hội (do nhu cầu 'hợp tác với nhau' mà sinh ra 'cạnh tranh nhau' – *coopérer pour rivaliser*) dần dần bắt buộc con người phải biết, phát triển cái biết, từ đó cuộc sống tiện nghi, hạnh phúc hơn nhưng cũng từ đó đau khổ càng thêm nhiều, càng thúc giục cái Biết nảy nở hầu thắng vượt đau khổ.

Ở cõi tục đế nhị nguyên này, tức môi trường có trở trường, *cái sống đi đôi với cái biết*. Không biết thì không sống, tùy theo biết nhiều hay biết ít mà sống thế này hay thế nọ, tùy theo mức độ biết hoặc theo từng loại biết mà sống cao hay sống thấp hay sống theo mức độ và loại biết của mình. Chính cái Biết khiến mỗi người hay mỗi Cộng đồng xã hội tạo nên một 'Cách thế sống', một 'lối sống' (*façon de vivre, style de vie*) nào đó có thể giống nhau hay khác nhau từng mức độ, từng phương thức. Từ đó, đau khổ nhiều hay đau khổ ít,

khác nhau về tính chất, số lượng, mức độ. Lịch sử loài người, lịch sử mỗi người, chung quy là lịch sử của cái Biết và của đau khổ. Tất cả Kinh điển, sách báo từ ngày xưa ngày xưa đến nay chẳng là lời rên rỉ, than van, miêu tả đau khổ của cuộc sống, cuộc đời qua những biến cố, những gầy đổ, tang thương của hiện hữu? Đức Phật bảo *'Đời là bể khổ'*. Karl Jaspers, triết gia Đức bảo : *'Thất bại chỉ có với tồn sinh'* (10); nhà văn Pháp Raymond Queneau cũng bảo : *'Lịch sử là môn học về nỗi bất hạnh của loài người'*(11).

Nguồn gốc Sự Sống đến nay vẫn chưa tìm ra.

Các bộ môn Khoa học : Sinh học, Sinh Hóa học, Thực vật học, Động vật học, Di truyền học, ... đến nay có thể mô tả hiện tượng sống chứ chưa hẳn xác định nguồn gốc cùng định nghĩa được Sự Sống. Sự Sống, theo Khoa học, được xem như khởi đi từ Tế bào. Hình hài thân xác của tất cả 'Vật sống' (corps vivants) đều được cấu tạo bởi vô số tế bào được sắp xếp theo một trật tự nào đó tạo nên sinh hoạt của cơ thể về tất cả mọi mặt. Thân thể con người, trung bình gồm hàng mười nghìn tỷ tế bào, không kể các loại vi trùng cũng là tế bào trong thân thể. Có hàng trăm loại tế bào khác nhau trong cơ thể con người. Kết cấu của tế bào vô cùng phức tạp, tế vi và chức năng của nó cũng vô cùng phức tạp. Nếu nguyên tử được xem là 'viên gạch' nền tảng của vật chất thì tế bào là viên gạch nền tảng của sự kiện cấu tạo nên Sự Sống. Nhìn chung có thể nói rằng vật chất là do các nguyên tử li ti tạo nên mà những nguyên tử này lại do bao nhiêu vi tử càng nhỏ bé hơn nữa rồi kết hợp nhau thành phân tử và tiếp tục tiến sang những dạng cao hơn, thì cơ thể sinh vật được cấu tạo bằng sự kết hợp vô số tế bào vi ti, bắt đầu từ những vi tử để thành một cơ cấu vi thể (organisation corpusculaire) theo một trật tự tế vi nào đó cho đến lúc hoàn thành một cơ cấu hoàn thiên để phát sinh sự sống. Tổng quát, có thể nói rằng : Cái được gọi là vật sống, có sự sống được cấu tạo bởi những đơn vị căn bản, tột cùng nhỏ bé được gọi là tế bào vốn mang chở một cơ cấu hóa học phức tạp, kết hợp với nhau để hình thành một cơ cấu thân xác có khả năng thâm hóa, tự nuôi dưỡng bằng mọi chất liệu bên ngoài và tự sinh sản. Cái cơ

cấu thân xác đó là chỗ tựa, là chỗ cư trú của phần tâm linh nơi sinh vật. Xin không đi sâu vào vấn đề này vì vô cùng rắc rối, đông dài, và kiến thức khoa học của người viết chẳng bao nhiêu nên diễn tả khó lòng thông suốt. Hơn nữa, khoa học chỉ tìm ra và mô tả những tính chất cùng mọi biểu hiện của sự sống chứ không mấy lưu tâm đến ý nghĩa cùng cứu cánh của sự sống. Chỉ bằng lòng với những nhận thức khoa học không thôi, ta sẽ nghĩ rằng cuộc sống, vô nghĩa, cuộc đời vô nghĩa, tiến hóa vô nghĩa. Trong lúc, con người luôn luôn tự hỏi : *do đâu có sự sống, tại sao sống, sống là gì, thế nào là sống, sống để làm gì,...* ? Những câu hỏi đó không thể trả lời hoàn toàn bằng kiến thức nơi các môn học tự nhiên mà phần nào bằng những kiến thức về các môn học khác gọi là nhân văn, trong đó triết lý, tôn giáo, thần học, đạo học góp phần đáng kể dù mọi điều nêu ra khó lòng chứng minh, kiểm chứng..

Theo các Tôn giáo độc thần, Sự Sống cũng như sự hiện hữu của mọi sự mọi vật do Đấng Sáng Tạo thường gọi là Thượng Đế, là Hóa Công (demiurge) qua nhiều danh xưng tùy theo mỗi Tôn giáo (YHWH, Jéhovah, Allah, Brahman,...) tạo nên. Theo Đạo Học và một số Triết thuyết khác, Sự Sống phát sinh do từ một Yếu tố uyên nguyên sơ thủy nào đó được gọi là 'Vô', là 'Chân Không', là 'Thể Tính Như Lai', là 'Ngôi Lờ' (theo Tin Lành St Jean), hay 'Hữu Thể Căn nguyên nền tảng' (l'Être fondamental), người viết gọi chung là 'Đạo Thể'. (Être).

'Đạo Thể' vốn vô hình, vô sắc, vô thanh, vốn 'nguyên sơ tự hữu', không thể dùng bất cứ một cách thức nào để có thể hình dung, nhận biết. nên không thể đặt vấn đề : Thượng Đế hay Đạo Thể là ai, là gì ?. 'Đạo Thể' do một tác động tự thân nhiệm mậ (Khoa học không nhìn nhận điều này) đã 'tự đối tượng hóa', 'tự sắc tướng hóa', 'tự vật chất hóa' hay 'tự tha hóa', 'tự vong thân' mình để phát sinh cõi Vũ trụ hiện tượng bao gồm mọi thứ hiện hữu muôn hình muôn dạng khác nhau để thể hiện Sự Sống. *Sự hiện hữu của tất cả mọi vật, mọi sự khác nhau tạo nên không gian ; những tác động qua lại liên tục giữa các thứ hiện hữu đó tạo*

nên thời gian. Cặp phạm trù 'Không gian - Thời gian' vô cùng rắc rối, bao trùm hết mọi thứ hiện hữu cùng mọi hoạt động hiện hữu nơi thế giới hiện tượng.. Không gian, thời gian cùng xuất hiện một lần từ khi bắt đầu có vũ trụ hiện tượng. **Mỗi hiện thể (étant tức mỗi vật dù to nhỏ, lớn bé, dù có hình tướng hay không) đều mang chở nơi mình một 'không gian, thời gian bên trong mình' và hiện hữu trong một 'thời gian không gian bên ngoài mình'.** (các sự vật bên ngoài mình gồm thiên nhiên và đồng loại). Tác động giữa hai thứ 'Không gian, Thời gian bên trong và bên ngoài' đó tạo ra mọi biến đổi nơi vũ trụ hiện tượng.và nơi từng hiện thể. **Mọi biến đổi chỉ là biến đổi của Không gian qua quá trình thời gian.** Nói theo Richard Sunder : *'thời gian chính là bản thể của không gian'* . Mỗi biến đổi đó gây nên đau khổ cho cuộc sống từng hiện thể cá thể và cho chung môi trường hiện hữu của tất cả cá thể (tức cuộc sống chung của chủng loại tức xã hội hay cuộc đời). Con người -xin nói riêng về con người- không thể thoát ra mọi biến đổi liên tục đó nên dùng cái 'Biết' để hoặc thích ứng 'không thời gian bên trong mình với 'không, thời gian bên ngoài', hoặc cải biến 'không gian thời gian bên ngoài thích ứng với không gian, thời gian bên trong' mình. **Do hai thứ 'Không gian thời gian bên trong và bên ngoài' đó mà trước nay, nhìn chung có hai Loại Biết : cái Biết Làm (le Savoir faire) và cái Biết Sống (le Savoir être) được thể hiện qua cái 'Biết sống chung cho nhau' (le savoir vivre ensemble).**

*Cái 'Biết Làm' do trí thông minh của từng người hay tập thể nhỏ nhằm thắng vượt mọi trở ngại thiên nhiên và xã hội để nâng cao, phát triển cuộc sống cá thể, do đó tạo nên tiến bộ, văn minh.

*Cái 'Biết Sống Chung' nhằm tạo lập cuộc sống xã hội hài hoà êm đẹp càng lúc càng thăng hoa, do đó tạo nên Văn hóa. Hai cái Biết đó tuy cần thiết nhau nhưng thường gây trắc trở cho nhau -nói theo Nguyễn Du là : *'chữ Tài chữ Mệnh khéo là ghét nhau'*-

Cả hai cái Biết đó vừa tranh chấp vừa tương hợp, đùn đẩy nhau dẫn về Tiến hóa. (Hai cái '*Biết Làm*' và '*Biết Sống*' được diễn giảng nhiều hơn nơi các phần sau).

D.- Sống, Biết, Đau khổ :

Cuộc sống cá thể và cuộc đời (cuộc sống chung) đau khổ, tội lỗi đều do từ cái Biết. Theo sách Sáng Thế: *"Do muốn biết điều thiện, điều ác như Đức Chúa Trời mà Eva và Adam đã nghe lời dụ dỗ của Satan (con rắn) hái ăn trái tri thức để phải bị Thượng Đế đuổi ra khỏi vườn Địa Đàng rồi triền miên đau khổ vì phải lo cho sự sống của mình"*. Sách 'Truyền Đạo' (Cự Ước) đã viết : *"..Vì nếu sự khôn ngoan nhiều, sự phiền não cũng nhiều. ; ai thêm sự tri thức ắt thêm sự đau đớn"* (Truyền Đạo : 1-18). Lão Tử đã bảo : *"Tuệ trí xuất, hữu đại nguy"* (trí khôn xuất hiện là có giả dối - Đạo Đức Kinh, chương XVII).

Biết, Biết, Biết ! Biết bao cái Biết : cái Biết của cảm giác, cái Biết của con tim, cái Biết của lý trí, cái Biết do nội cảm, cái Biết do ngoại quan. Tất cả đều là Biết. Lòng dục cũng là một cái Biết dù là do trí tuệ hay do bản năng. Biết tạo ra đau khổ, ấy mà ai cũng muốn biết. Sống là phải biết dù biết ở dạng nào. Mọi công trình tìm tòi, nghiên cứu, mọi loại trường học đều nhằm mục đích săn tìm, trau giồi cái Biết, biết nhiều, biết rộng, biết sâu, biết đúng,... để ứng dụng vào cuộc sống, vào trường đời. Bất cứ trường học nào cũng là nơi '*làm cho biết*' (faire savoir) theo một loại Biết nào đó. Ca dao Việt Nam đã từng nói : *"Khó đi mẹ dẫn con đi, Con đi trường học mẹ đi trường đời"*. Con người dùng cái Biết để tạo hạnh phúc, có nghĩa hủy diệt đau khổ, dùng chính vũ khí của đau khổ để tiêu hủy nó nhưng thực sự không làm nổi, vì đau khổ gắn liền với cuộc sống ; mỗi cái Biết phá bỏ được đau khổ này thì lại làm phát sinh một hay nhiều đau khổ mới khác. Cái đau khổ của cuộc sống từng cá thể do từ cái đau khổ của từng chủng loại trong cõi hiện hữu, đồng thời gia tăng cái đau khổ của chủng loại trong cuộc đời chung. Mỗi hiện thể phải gánh chịu đau khổ từ hai mặt : đau khổ do cuộc đời chung (không thời gian bên ngoài) và đau khổ do chính cuộc sống riêng mình

(không thời gian bên trong mình). Đau khổ do chính từ sự sống hay cuộc đời chung của chủng loại là Tội Tổ Tông, là Cộng nghiệp ; đau khổ do từng cuộc sống từng cá thể trong cuộc đời chung là Biệt nghiệp, Tự nghiệp, Cá nghiệp.

Sống đòi hỏi phải Biết mà càng biết càng đau khổ và tạo ra đau khổ. Cứ xem cuộc sống mỗi người từ bé đến lớn, cuộc sống nhân loại từ hồng hoang, mông muội đến nay, cái Biết đã tạo đau khổ cho mình và cho người bao nhiêu, dù rằng cái Biết là điều kiện và động lực của Tiến bộ, Văn minh. Tiến bộ, Văn minh trở thành một thứ thần linh ám ảnh, kích động con người triền miên đi tìm cái Biết mỗi ngày cao hơn, nhằm mục đích giải trừ đau khổ nhưng lại gây nên những đau khổ mới ở dạng cao hơn. *Muốn không đau khổ thì phải diệt cái Biết nhưng diệt cái Biết là diệt cái Sống.* Điều này không ai làm vì ai cũng muốn sống, ham sống , và dù cá nhân nào đó có thể làm (tự tử) thì cả chủng loại không thể nào làm được

Cái Biết nằm trong cái Sống và Biết là để Sống. Điều này, Thánh Kinh Ki-Tô-giáo (Tin Lành theo St Jean) đã nói :

- *Trong Ngài có sự Sống, sự Sống là sự Sáng của loài người* (Jn :1-4)

- *Sự Sáng soi trong tối tăm mà tối tăm chẳng tiếp nhận* (Jn :1-5)

Sự Sống ở nơi Ngài (Thượng Đế). Thượng Đế chuyển sự Sống đó cho mọi vật, đặc biệt cho con người và '*Sự Sống trở thành sự Sáng của loài người*'. Sự Sáng nơi loài người chính là sự Biết nhưng *Sự Biết nơi đây là cái Biết của Thánh Linh, của Tâm chứ không phải cái Biết của tri thức phân biệt.* '*Sự Sáng soi trong tối tăm*' có nghĩa cái Biết phá vỡ cái trạng thái mờ mịt của vũ trụ cùng cái tối tăm, ngu dốt của con người. Tối tăm không chấp nhận sự Sáng vì vô minh dày đặc phát xuất từ ba nguyên nhân :

a) Vũ trụ bao la, huyền nhiệm, cái Biết của con người không thể nào giải tỏa được hết mọi bí mật, huyền nhiệm đó của vũ trụ. Mỗi cái Biết giúp khám phá được huyền nhiệm nào lại để ra một 'vô minh' mới để con người lại bị kích động phải biết thêm, biết nữa. Bao nhà khoa học đã nói đến giới hạn của cái Biết của con người trước bao

'vô minh', bao huyền nhiệm của vũ trụ và nhân sinh. Thuyết Big-Bang nói đến vụ nổ đầu tiên để sinh thành vũ trụ cách đây trên 13 tỷ năm, tuy được đa số nhà Vật lý công nhận nhưng vẫn có người cho rằng đây chỉ mới là 'một Big-Bang' (un Big-Bang) chứ chưa là cái 'Big-Bang' nguyên thủy (le Big-Bang) vì cho rằng có thể có nhiều Big-Bang trước đó. Đến nay, tri thức con người hay loài người đã phát triển đến cùng độ nhưng vẫn chưa vượt qua được 'bức tường Planck' (le mur de Planck), nghĩa là chưa tìm ra được thời điểm Zéro tức khởi nguyên (Origine) của vũ trụ. Để tóm lược, xin mượn lời nhà Thiên Thể Vật lý học Trịnh Xuân Thuận : *«Với tôi, con đường của tri thức là một lối đi mà mức đến cứ lùi xa mãi mỗi khi con người đến gần - cái bộ óc hữu hạn của chúng ta không bao giờ có thể tóm bắt được hết cái vô hạn của vũ trụ»* (12)

b) Theo Phật giáo, Vô minh phát xuất từ quan niệm cho rằng sự vật cùng con người có một tự thể bất biến, một cái 'ngã' thường tồn, không rõ rằng cái đó chỉ là do 'nhân duyên sinh' tạo nên. Vì quan niệm như thế nên không nhìn ra tính cách vô thường của vạn hữu, của vũ trụ. Từ đó, ta mãi bám víu vào những cái ta cho là 'bất biến', là 'chắc thật' trong lúc chúng chỉ là 'ảo giác', là hư huyền (maya). Cái ta gọi là 'hạnh phúc' như của cải, quyền uy, danh lợi, tăm tiếng,...là những cái không có thực, không thực có vì nay có mai không, nay còn mai mất. Bám chặt vào những cái đó là tạo khổ cho mình, cho người. Cái 'Tự tánh', 'pháp tánh' không chính là sự vật, sự việc tự nó có vì sự vật, sự việc không tồn đọng vĩnh cửu mà chính chúng đang 'biến đổi', đang luân lưu, đang trôi chảy, đang thay đổi. Ngay tấm thân của ta cũng là do 'nhân duyên sinh' mà tứ đại kết hợp nhưng cũng tan rã nay mai chứ không bất biến. Không nhìn ra 'dòng chảy' đó của vạn hữu, của thiên nhiên là cái nhìn sai lầm. *Cái nhìn sai lầm này, Phật giáo gọi là vô minh.* Do cái nhìn sai lầm đó nên ta bám chặt vào tấm thân phàm ngã của ta, cứ cung tận tụy lo cho nó trong lúc chính nó cũng luôn biến đổi trong dòng chảy của không gian, thời gian. Vì nghĩ rằng tấm thân ta là cái chắc thật, trường tồn nên mọi hành động, việc làm của ta dù thuộc 'thân, khẩu, ý' luôn lẫn lộn trong một vòng 'luân hồi', nhân quả không bao giờ dứt. Mỗi ý

ngĩ sinh ra một ý nghĩ khác, mỗi việc làm phát sinh một việc làm khác, mỗi lời nói đưa đến một lời nói khác, mỗi hành động đưa đến một hành động khác,..chuoĩ xích đó tiếp diễn không ngừng và ta luôn tạo 'ngiệp' cho ta để mãi đắm chìm trong vòng 'sinh tử luân hồi', không thể giải thoát ta khỏi vòng 'nhân quả'.

c) Thêm vào đó, mỗi hiện thể do từ cái tự ngã cấu trúc sắc tướng của mình lại tạo ra vô minh cho mình và cho xã hội. Những 'tham, sân, si' phát xuất từ tấm thân ngũ uẩn trong vòng tương tác của vạn pháp đưa dẫn mỗi người vào vòng tăm tối, làm lu mờ cái Phật tính, Phật tâm, cái Thánh Linh nơi mình, gây đau khổ cho mình và cho kẻ khác, nhiều ít do mức độ của những vọng tâm, vọng niệm, vọng ngôn, vọng động của người đó tác động lại chính người đó và tác động đến bên ngoài. Nhà Phật gọi nguyên nhân phát sinh loại đau khổ này là do lòng Dục nơi con người. Lòng Dục là lòng luyến ái, ham muốn mọi thứ cần thiết phục vụ tấm thân phàm ngã của ta. Trong mọi thứ Dục, cái Dục nguy hiểm nhất, theo người viết, điều Đức Phật muốn nhấn mạnh, và chính Chúa Jésus nói rõ ràng hơn, chính là cái Dục Tư hữu và Chiếm hữu. *Chính cái Dục Tư hữu, Chiếm hữu đã dẫn dắt mọi cái Dục khác vào vô minh.* Tình yêu cũng là một cái Dục, tự nó không xấu, theo người viết, nhưng khi đưa đến chiếm hữu dù được hay không, là đã tạo khổ và làm tan biến ý nghĩa cùng giá trị tốt đẹp của yêu thương. Vì muốn chiếm hữu người yêu cho riêng mình nên ta luôn ganh ghét, đố kỵ, thù oán những ai được người mình yêu chiếu cố, gần gũi, thân mật, đến cả tìm cách hãm hại hoặc ngay cả phá hoại hạnh phúc của người mình yêu. Đi 'tư' để đạt được chánh quả, để đạt được Niết Bàn, để thành Phật hay để đón được Tin Lành (vào cảnh giới Thiên Đàng) cũng là một thứ 'Dục', một thứ dục vô cùng tốt đẹp nhưng một khi 'chiếm hữu' xen vào để sinh ra 'cuồng tín', chiếm hữu Thượng Đế, Phật, Chúa cho riêng mình, xem mọi tín ngưỡng khác là 'ngoại đạo', là sai lầm thì 'lòng Dục tín ngưỡng' kia trở thành tai hại vì đưa dẫn ta vào vô minh. Bao chiến tranh tôn giáo, bao kỳ thị, tranh chấp về Tôn giáo trước nay đã biến 'lòng dục tín ngưỡng' tốt đẹp trở thành nguy hại. *Chính lòng dục Tư hữu, Chiếm hữu là nguyên nhân gây điên đảo, khổ đau cho cuộc*

sống, cuộc đời, nhưng khổ nỗi, đấy lại là động cơ tạo nên Tiến bộ, Văn minh và đưa dẫn về Tiến hóa. Đức Phật đã nói điều này nhưng chưa thật rõ ràng. Jésus, qua nhiều lời và đôi dụ ngôn chú trọng đến vấn đề này rõ hơn.

Sự Sáng, sự Biết của con người không thể giải tỏa hết vô minh. Phải có sự Sáng của 'Người lớn hơn Salomon' tức cái Sáng của Thượng Đế -nói theo Thánh Kinh- mới phá vỡ được hết Vô minh, nghĩa là mới thấy được cái 'Chân lý cuối cùng, toàn bích' của vũ trụ và nhân sinh. Con người chỉ đạt đến cái Sáng đó của Thượng Đế khi đã đến tận cùng đau khổ, không phải cái đau khổ của riêng từng người mà là của toàn chủng loại do cái Biết được tích lũy qua bao thế hệ nối tiếp nhau trên diễn trình Tiến hóa. Và khi đến tận cùng đau khổ của chủng loại thì chủng loại mới giải trừ được Tội Tổ Tông hay Cộng Nghiệp của chủng loại để đạt được cảnh sống chân như thánh thiện, không còn khổ đau cũng như không gây khổ đau cho nhau và lúc đó, mỗi người cùng nhân loại mới đạt được cái Sống đời đời. Điều này được xem là một qui luật của tiến hóa [qui luật : « từ 'chủ thể, đối tượng ' sang 'trạng thái'), sẽ được nói rõ trong chương 'Nghiệp' của nhà Phật] .

Đau khổ lớn dần theo cái Biết. Cái Biết giải tỏa được đau khổ này thì lại tạo ra một thứ đau khổ mới ở dạng cao hơn. Chẳng hạn khi tìm ra được 'chất đốt' (nhiên liệu), con người thoát được đau khổ vì tối tăm, lạnh lẽo nhưng lại rơi vào cái khổ mới : làm sao cho có nhiên liệu, khai thác nhiên liệu, tích trữ nhiên liệu. Sự 'mất nhiên liệu' ngày nay chắc sẽ khiến ta đau khổ gấp mấy lần hơn so với lúc chưa tìm ra nhiên liệu. Cũng thế, ngày nay, ta quen viết lách bằng máy điện toán (computer, ordinateur), rủi ro máy bị hư, hỏng ta rất khó chịu, khó lòng quay về với cách viết bằng tay hay bằng máy đánh chữ cơ khí (machine mécanique). Trong cuộc sống xã hội, cái Biết đưa đến cạnh tranh, giành giựt, chiếm hữu của nhau về mọi mặt, không chỉ về lợi nhuận, lợi quyền, về địa vị, tiếng tăm mà cả về tình yêu, về tín ngưỡng. Cái Biết tạo ra nhiều thứ tốt đẹp cho cuộc sống (những tiện

nghi, những nguồn năng lượng mới, thuốc men,...) nhưng đồng thời cũng gây ra bao tai hại cho cuộc đời để mỗi cá nhân quần quai mãi trong khổ đau vì phải tìm mọi cách đấu tranh lo cho sự sống của mình. *Sự đấu tranh lo cho Sự Sống nơi mỗi người cũng như nơi toàn nhân loại chính là Tội Tổ Tông theo quan điểm Ki-Tô giáo, Darwin gọi là 'cuộc tranh đấu mưu sinh' (la lutte pour la vie, the struggle for life).*

Nhưng cuộc sống con người bị hạn chế bởi cái chết nên không một ai đạt được cái Sáng, cái Biết của Thượng Đế. Do đó, cái Sáng, cái Biết của từng người, của từng thế hệ được trao lại cho chủng loại, được tích lũy qua tiến trình lịch sử vì cuộc sống chủng loại (cuộc đời) không là hành trình quy tử như từng cá thể. Đến lúc cái Biết của con người đạt được cái Biết của Thượng Đế là 'Trái tri thức trở về nguyên sơ với Cây Sự Sống' thì không còn phân biệt Thiện Ác nữa vì không còn gì là Thiện, không còn gì là Ác. Cuộc đời hay cảnh sống của nhân loại lúc bấy giờ sẽ là 'Đại viên cảnh', là 'Nước Thiên Đàng' do nhân loại tạo dựng cho mình qua suốt dọc dài gây khổ lụy cho nhau vì cái Biết phân biệt. 'Đại viên cảnh' hay 'Nước Thiên Đàng' là hình ảnh ẩn dụ nói đến một trạng thái hiện hữu mới, trạng thái con người thoát ly được (hay không còn bị chi phối) bởi 'động vật tính' nơi mình để không còn phải quần quai vì khổ đau, bị lụy. Nói theo nhà Phật thì 'Đại Viên Cảnh' hay 'Nước Thiên Đàng' là cảnh sống không còn bị chi phối bởi Không gian, Thời gian, không còn bị ràng buộc bởi 'Nhân Quả', cái Cảnh giới 'phi hiện tượng'..

Cái Biết tạo ra phân biệt vì có Biết, ta mới thấy cái khác nhau giữa mọi sự mọi vật nghĩa là ta có so sánh, đối chiếu giữa cái này cái nọ, giữa cái của ta, trong ta, nơi ta với cái của người, nơi người, ngoài ta cùng bao nhiêu thứ khác thuộc không gian, thời gian bên ngoài ta. Adam và Eva nơi Vườn Địa Đàng không Biết gì cả vì chưa có cái Biết tức không có 'cái nhìn sai biệt' giữa nhau, giữa mình với các hiện thể bao quanh, chưa nhận ra cái 'Có' nơi mình và cái 'Có' của bên ngoài ; tóm lại, chưa ý thức gì về sự Hữu, nói theo Triết học là chưa có sự phân ly Chủ-Khách nơi mình. Lúc ăn xong 'Trái của sự Biết', cái Biết

bỗng nhiên đến với Ông Bà để rồi tiếp tục biết thêm, biết mãi qua bao thế hệ chủng loại người và đau khổ theo đấy lớn dần theo cái Biết để phát sinh đấu tranh, hầu giải trừ đau khổ nhưng để làm khổ mình và khổ nhau theo từng dạng thức và mức độ mới lớn hơn. Sự việc Thượng Đế bảo Adam đặt tên cho các loài vật là bước đầu để 'cái Biết không phân biệt' đi vào cái 'Biết phân biệt'.

Adam, Eva bị đuổi ra khỏi vườn Địa đàng có nghĩa bị rơi vào vòng đau khổ. Vườn Địa đàng biến thành cõi Thế gian tức từ 'môi trường không trở trường' chuyển sang 'môi trường có trở trường'. Trước sau, Ông Bà vẫn ở ngôi vườn đó, chứ có đi đến một xứ sở nào khác đâu, nhưng trước là 'xứ sở vô phân biệt' vì chưa có cái Biết và sau đấy là cõi trần gian đau khổ do từ bắt đầu có cái Biết phân biệt. *Vườn Địa Đàng là ẩn dụ nói lên cái 'trạng thái sống vô phân biệt' từ nguyên sơ, cuộc sống chưa có sự Biết tham dự.* Một khi sự Biết nảy sinh là bắt đầu có cuộc sống phân biệt để triền miên rơi vào đau khổ trong cõi sắc giới.

Đã biết rồi thì chỉ có biết thêm, biết mãi cho đến khi cái Biết trở thành viên túc, cái Biết phân biệt trở thành cái Biết vô phân biệt, cái Biết của Cây Sự Sống. Đến bấy giờ, con người và cuộc sống nó không còn trong trạng thái 'nhị nguyên' nữa và cõi sống sẽ là 'nước Thiên Đàng' hay 'cõi Niết Bàn' từ Niết Bàn Hữu Dư sang Niết Bàn Vô Dư hằng cửu (theo Phật giáo) tức cũng cõi Địa Đàng trước đây nhưng ở mức độ cao hơn vì nơi vườn Địa Đàng trước đây, con người chưa có cái Biết trong lúc nơi Nước Thiên Đàng, con người đã có cái Biết nhưng là cái Biết toàn bích, viên dung, cái Biết của trạng thái 'Chủ thể tự tại' và 'đối tượng hiện hữu' là Một. *Vườn Địa Đàng, Nước Thiên Đàng, cả hai chỉ là hình ảnh ẩn dụ cùng nói về cõi hiện hữu thế gian thôi nhưng diễn tả hai trạng thái sống ở hai mức độ khác nhau, trạng thái sau cao hơn trạng thái trước: trước là 'Vườn', nay là 'Nước'; trước là 'trên mặt đất', nay là 'trên trời'.* (xem thêm: 'Vô dư Niết Bàn- Hữu Dư Niết Bàn' noi chương 'Không-Sắc'). Nếu giải thích hoàn toàn bằng Đức Tin tôn giáo thì ta sẽ ngạc nhiên tại sao loài người bị Thượng Đế trừng phạt đuổi ra khỏi Vườn Địa Đàng, thế

rồi qua quá trình tội lỗi, lúc Đức Chúa Trời tái lâm cứu rỗi, Ngài không đưa con người về lại Quê hương cũ là Vườn Địa Đàng mà lại đưa đến một Quê hương khác tốt đẹp hơn nhiều tức Nước Thiên Đàng? Chẳng lẽ Thượng Đế 'thưởng công' cho tội lỗi loài người sao? Điều này Thần học Ki-Tô giáo không giải thích vì không để ý đến vấn đề Tiến Hóa nơi lời Chúa Jésus và do luôn chống đối Khoa học.

Từ Vườn Địa Đàng chưa có cái Biết phân biệt sang cõi thế gian với cái Biết phân biệt để luôn phải quần quai trong khổ đau, tiến đến Nước Thiên Đàng với cái biết viên túc, tròn đầy (cái biết Viên giác, cái Biết Ba-La-mật, theo Phật giáo) thoát mọi đau khổ, đây là diễn trình tiến hóa của từng chủng loại, đặc biệt của nhân sinh. Nguồn gốc của đau khổ là sự tha hóa của Thượng Đế hay của Đạo Thể từ 'Hữu-Tự-Hữu' sang 'Hữu-Hiện-Hữu' để tạo nên Sự Sống; căn cơ của Đau khổ là sự Sống qua tám hình hài thân xác (hay qua các đặc điểm riêng biệt của các dạng tồn tại không có cấu trúc hình thể), động cơ của Đau khổ là cái Biết.

'Sống - Biết - Đau khổ', trong cõi hiện hữu, cái 'bộ ba' này vừa lẫn vào trong nhau, tác động lẫn nhau, vừa là 'nhân' là 'quả' cho nhau. Sống phải Biết, Biết tạo ra Đau khổ, Đau khổ là 'chất' của Sống và là nguồn kích thích cho Biết.

Đến lúc nào Sống mới hết đau khổ, cái Biết mới viên giác, tròn đầy? Điều này, theo Thánh Kinh, phải đợi lúc Thượng Đế tái lâm, làm cuộc phán xét cuối cùng. (cũng là một 'ẩn dụ'). Kinh Thánh nói đến Phục Sinh, đến sự Sống Lại. Sách Khải Huyền viết: "Ta làm mới hết thủy muôn vật...Ta là An-pha và Ô-mê-ga, nghĩa là đầu tiên và cuối cùng...Phước thay cho những kẻ giặt áo mình đặng có phép đến nơi Cây Sự Sống và bới các cửa mà vào trong thành" (Khải Huyền: chương 21 và chương Kết luận). Chúa Jésus cũng bảo: "Đến kỳ muôn vật đổi mới..." (Ma: 19-28). "Làm mới hết thủy muôn vật" hay "Muôn vật đổi mới", theo người viết, qua ẩn dụ Cây Sự Sống, không có nghĩa vũ trụ này bị tan vỡ hay không còn nữa để Thượng Đế lại tạo nên một vũ trụ khác mà là "Đổi mới Sự Sống", có nghĩa "một

trạng thái sống mới khác hẳn với hiện nay” cho từng chủng loại trên đường Tiến hóa, trước tiên cho chủng loại người. Giờ ‘*Phán xét cuối cùng*’ không phải là thời điểm Thượng Đế hay Chúa Jésus xuống lại trần gian bằng xương bằng thịt để làm phép lạ tái tạo một vũ trụ mới mà là “*chủng loại người, qua dòng tiến hóa sẽ tạo cho mình một nếp sống, một cách thế sống, một trạng thái sống khác với xưa nay tức cuộc sống đời đời*”. Chính loài người tự làm cuộc ‘*phán xét cuối cùng*’ đó qua dòng lịch sử sinh hóa của mình theo Chương trình của Thượng Đế. Điềm qua một số sự kiện lịch sử gần đây : Nghị viện Pháp và cả Hoa Kỳ đã lên án dân Thổ Nhĩ Kỳ trước đây đã phạm tội ‘diệt chủng’ dân Arménie ; Nghị viện Âu Châu cùng thế giới lên án tội trạng của chế độ Cộng sản ; Giáo hội Công giáo xin lỗi thế giới về bao sai lầm, tội lỗi của các triều đại Giáo Hoàng trước đây ; Chính phủ Úc xin lỗi dân Aborigène về những sai lầm của dân Úc ngày trước ; chính nước Pháp cũng đã xin lỗi Algérie về những tàn ác trong cuộc chiến thuộc địa đối với dân tộc này, (rất tiếc, nước Pháp chưa một lời xin lỗi dân tộc Việt Nam)... Bao nhiêu Tòa án quốc tế như Nuremberg, La Haye, và ở nhiều nơi khác, bao nhiêu tổ chức nhân đạo, bảo vệ nhân quyền từng xử án hay kết tội những tên độc tài ác ôn, những chế độ mị dân, giả hình,... đã vi phạm hay giết hại Sự Sống (13). Tất cả hầu như do từ một ‘ăn năn, sám hối’ của con người, của loài người về những tội lỗi đã phạm qua quá trình tiến hóa để ‘*đổi mới sự Sống*’, tạo lập một ‘cách sống mới’, một ‘trạng thái sống mới’ hòa bình, an lạc cho toàn thể chủng loại, không còn gây khổ đau, tội lỗi cho mình và cho nhau..

Qua hình ảnh ẩn dụ ‘*Cây Sự Sống*’ và ‘*Trái Tri Thức*’, Thánh Kinh (Cựu Ước) đã nêu ra vấn nạn về Sự Sống nơi cõi thế gian, được xem là nguồn gốc đau khổ cùng diễn trình đau khổ qua cái Biết phân biệt của con người. Ẩn dụ « *Cây Sự Sống* » và « *Trái Tri Thức* » này đưa ta đến ba nhận định căn bản sau đây :

1) *Sống, Sự Sống là như nhiên, tất nhiên, tất định* của tất cả mọi sự, mọi vật trong vũ trụ hiện tượng. Đã hiện hữu, dù có cấu trúc hình

thể hay không, đều phải sống theo một cách thể sống, một lối sống nào đó. Sinh ra là để Sống. Vì Sự Sống mà con người và loài người luôn gây ra tội lỗi cho nhau (do cuộc tranh đấu mưu sinh, theo Ki-Tô giáo là Tội Tổ tông) để luôn luôn phải trong vòng tăm tối, khổ đau.

2) *Có Sống là có Biết, đòi hỏi phải Biết và Biết tạo nên Đau khổ*: Sống là phải Biết, nhưng cái Biết nơi cõi hiện hữu là cái Biết phân biệt do đó tạo nên đau khổ. Cái Biết phân biệt nơi từng người (cuộc sống) và nơi chủng loại (cuộc đời) được tích lũy qua quá trình thời gian, qua bao thế hệ để dẫn về Cái Biết Viên túc, tròn đầy của Cây Sự Sống, từ đó, con người và chủng loại mới có được sự sống đời đời.

3) *Do Sống, Biết và Đau Khổ mà có Tiến hóa*. Từ cái Biết phân biệt Thiện, Ác nơi cõi thế gian dẫn về cái Biết của Cây Sự Sống không còn Thiện, Ác ; từ sự sống bị giới hạn bởi cái Chết dẫn về sự sống đời đời, không còn phải chết, đây là diễn trình, ý nghĩa và cứu cánh của Tiến hóa của từng chủng loại nơi cõi thế gian.

Các nhà Thần học cũng như bao bao thức giả từng nghiên cứu, giảng giải Kinh Thánh cùng lời Jésus dù tán dương hay chống đối, chưa để ý phân tích ẩn dụ này nên không để ý đến Lễ Tiến Hóa nơi Kinh Thánh và nơi lời Jésus. Vô vàn Kinh điển Phật giáo cùng bao luận giảng của các Bồ Tát, Tăng Ni, phần lớn chú ý phần Tri Thức luận hoặc Tu chứng nội tâm nên cũng chưa mấy nhận ra được Lễ Tiến hóa của nhân sinh qua lời của Đức Thích Ca.

Tóm lại, Sống, Sự Sống là vấn đề tiên thiên, huyền nhiệm, oái oăm, rắc rối, bí ẩn nhất trong tất cả mọi vấn đề của nhân sinh, của vạn hữu. André Malraux đã nói : *'Cuộc sống chẳng đáng giá gì nhưng không có gì đáng giá bằng cuộc sống'* (14) . Không Sống, không có sự Sống thì không có vấn đề nào cả, không có 'Tội Tổ Tông' tức cuộc tranh đấu mưu sinh , cũng không có sự chết, tóm lại là không có bất cứ thứ gì.

Ẩn dụ 'Cây Sự Sống và Trái Trí Thức' là ẩn dụ đầu tiên trong Kinh Thánh, làm nền tảng cho diễn tiến lịch sử nhân sinh, đưa dẫn về

Tiến hóa để con người và loài người vượt thắng được cái Chết hầu thỏa mãn ước vọng 'sống hạnh phúc, sống dài lâu, sống đời đời'. Có thể nói, trước nay, cả nhân loại dù về Thần học, Tôn giáo, Triết lý, Khoa học, Nghệ thuật, không để ý ẩn dụ này, không để ý đến lời Jésus nên cứ mãi mãi chống đối, phủ nhận Thượng Đế để tranh cãi nhau 'có hay không có Thượng Đế', 'Thượng Đế tạo nên con người theo hình ảnh Thượng Đế' hay 'chính con người tạo ra Thượng Đế theo hình ảnh con người'. Lỗi ở nơi các nhà Thần học và tu sĩ Ki-Tô giáo đã -theo người viết- do Thần Học Đức Tin, không hiểu, không giải thích được rằng 'chính Thượng Đế tạo ra Sự Sống' (cho chính Thượng Đế) và 'vì tạo ra Sự Sống nên đã phải tạo nên vạn hữu trong vũ trụ hiện tượng này, kể cả con người (để thể hiện Sự Sống của Thượng Đế) và chính vì Sự Sống mà nơi cõi hiện tượng, con người và loài người luôn luôn đau khổ'. Nhưng chính đau khổ lại định ra dòng Tiến hóa cho đến ngày không còn đau khổ nữa, cái nghịch lý trở trêu của cuộc Sống thế gian là như vậy.

Chú Thích :

1- 'Nous allons finalement acquérir la capacité quasi divine de manipuler la vie presque à notre guise' – Micho Kaku : *'Visions, How Science will revolutionize the 21st Century'* – bản tiếng Pháp : *'Visions, Comment la Science va révolutionner le XXI^e siècle'* của Gilles Minot, édts. Albin Michel, Paris 1999, trang 27).

2- 'l'idée que le cosmos fut le produit d'une *dialectique* de Dieu et du Diable, c'est-à-dire *du symbole et des diabolos* ou, si l'on préfère, *de l'unicité et de la division*' – 'Avant Le Big-Bang, sđd, trang 52).

3- Qua đôi trước tác về Phật giáo, Thái tử Tất-Đạt-Đa, sau này là đức Thích Ca Mâu Ni cũng do Bồ Tát Hộ Minh mượn qua thân xác Hoàng hậu Maha-Maya sinh ra. Những điều này chỉ là tưởng tượng hay là những huyền thoại để thần hóa, huyền hóa Chúa Jésus và Phật Thích Ca ?.

4- M.Heidegger : 'cet Être dont l'histoire n'est jamais révolue, mais toujours en attente. L'histoire de l'Être supporte et détermine toute condition et *situation humaine*' – xem bản dịch tiếng Pháp 'Lettre sur l'humainisme' của Roger Munier trong 'Questions III , Gall. Paris 1989.

5- Xem 'Dictionnaire des Symboles' – Jean Chevalier và Alain Gheerbrant, édts Laffont/Jupiter, Paris 1982, trang 62)

6- xem Dict. des Symboles, (sđd).

7- L'Histoire du monde, tome I, Larousse 1993, trang 139.

8- Có thể nào sự việc 'may mắn' về sau này đã khởi đi từ sự việc này để con người tránh phô trương bộ phận sinh dục của mình. Vậy, những phim Porno, những tiểu thuyết, truyện ngắn, thơ ca, nhạc họa mô tả những bộ phận sinh dục nam nữ cùng đề cao mọi cách 'làm tình' cuồng bạo dù nhân danh giáo dục, thẩm mỹ, tự trung chỉ nhằm kích thích cái 'động vật tính' nơi con người, nhằm mục đích kinh doanh, làm tiền, hoàn toàn trái ngược với nỗi 'hỗ thẹn' của thủy tổ loài người.

9- Điều tưởng tượng hão huyền này của người viết không ngờ lại được chứng minh bởi sự kiện vệ tinh Voyager 1 do cơ quan Nasa Hoa Kỳ phóng lên ngày 05/09/1977, sau 35 năm hoạt động đã bay vút ra khỏi Thái Dương Hệ ; sự việc được xác nhận vào ngày 05/12/2011 của Ủy Ban Địa Vật Lý Học (Union géophysique) Hoa Kỳ. Voyager I là máy do thám không gian (sonde spatiale) đã gửi tín hiệu và hình ảnh các hành tinh thuộc Thái Dương Hệ : Vénus (Kim tinh), Jupiter (Mộc Tinh), Saturne (Thổ tinh), Uranus (?), Neptune (?) và Địa Cầu, ngoại trừ Mercure (Thủy tinh) vì bị ánh sáng Mặt trời quá chói và Mars (Hỏa tinh) chỉ được nhìn thấy như một mảnh liềm nhỏ (croissant ténu) – Voyager I đã tách rời khỏi Thái dương hệ để vào vô tận, sau khi đã bay 18 tỷ cây số -xem Science & Vie, số 1135 tháng 4/2012 và số 1140 tháng 9/2012.

10- L'échec n'est que pour l'existence.

11- L'Histoire est la science du malheur des hommes.

12- Pour moi, le chemin de la connaissance est une piste dont le poteau d'arrivée ne cesse de s'éloigner au fur et à mesure que l'on s'en approche.- Je crois que notre cerveau fini ne pourra jamais appréhender l'infini de l'univers – Xem *Trinh Xuân Thuận: un astrophysicien'* (entretiens avec Jacques Vauthier), nxb Beauchesne, Fayard 1002, trang 52

13- Nay mai, có thể bao tên độc tài, khát máu chú trọng lo cho Sự Sống của mình mà huỷ diệt Sự Sống của kẻ khác, cũng như bao dân tộc, quốc gia chỉ mưu lợi ích cho dân tộc, quốc gia mình mà dùng bạo lực, bạo quyền, sức mạnh trời vượt của mình để chinh phục, bóc lột, đày ải, nô lệ hóa, thậm chí sát hại bao dân tộc khác, rồi cũng

sẽ bị lịch sử đưa ra các Tòa Án nhân loại để phán xét tội lỗi của họ. Trung Hoa, Nga Xô (thời Xô Viết), Mỹ quốc, Do Thái, Nhật Bản, Pháp, Bắc Triều Tiên, Anh, Irak, Iran, Libye, cả VN Cộng sản,...sẽ là những tội đồ của nhân loại trước pháp đình quốc tế trong giờ 'phán xét cuối cùng' của lịch sử nhân sinh.

14- 'une vie ne vaut rien mais rien ne vaut une vie'.